

HOẠT ĐỘNG BẢO LÃNH NGÂN HÀNG TẠI BIDV BÌNH DƯƠNG

Ngày nhận: 05/5/2014
Ngày nhận lại: 30/5/2014
Ngày duyệt đăng: 10/6/2014
Mã số: 6-14-CĐ-9

Lê Thị Mận ()*
*Phan Trọng Nghĩa (**)*

Tóm tắt: Bài viết đánh giá tổng quan về thực trạng hoạt động bảo lãnh ngân hàng (BLNH) của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) tỉnh Bình Dương giai đoạn 2011-2013. Nghiên cứu cho thấy những nhân tố ảnh hưởng đến phát triển hoạt động BLNH bao gồm: nền kinh tế đi xuống, hành lang pháp lý trong giải quyết tranh chấp còn chưa hoàn thiện, ngân hàng chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình trong hoạt động BLNH.

Từ khóa: Tín dụng, bảo lãnh ngân hàng.

Đặt vấn đề

Bảo lãnh là một trong các dịch vụ cấp tín dụng của các tổ chức tín dụng, bảo lãnh đem lại nhiều lợi nhuận cho ngân hàng thương mại (NHTM), nhưng rủi ro cũng không nhỏ (Inha Oh và các tác giả, 2008; Rasiyah và Ming, 2012; Ali và các tác giả, 2011). Dựa trên cơ sở này BIDV đã có định hướng phát triển hoạt động bảo lãnh nhằm hỗ trợ cho các doanh nghiệp. Tuy nhiên những năm gần đây, dịch vụ BLNH tại các NHTM nói chung và BIDV Bình Dương nói riêng đều có xu hướng giảm.

Trong khi đó, Bình Dương là tỉnh có tiềm năng phát triển dịch vụ bảo lãnh với: (i) Tốc độ phát triển sản xuất, xây dựng, thương mại nội địa trên địa bàn tỉnh cao, các doanh nghiệp, công ty, tổ chức kinh tế luôn có nhu cầu bổ sung vốn bằng các hình thức cấp tín dụng, như cho vay, bảo lãnh, bao thanh toán; (ii) Các khu công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng lớn trên địa bàn của tỉnh, kéo theo sự gia tăng các đại lý nước ngoài đặt mối quan hệ với BIDV Bình Dương; (iii) Trung tâm Tài trợ Thương mại Miền Nam hoạt động trên địa bàn tỉnh. Chính vì vậy, nhóm tác giả tập trung nghiên cứu nhằm phát triển hoạt động đầy tiềm năng này.

Cơ sở lý thuyết về phát triển hoạt động bảo lãnh ngân hàng

Để đánh giá sự phát triển hoạt động BLNH, nhóm tác giả sử dụng các chỉ tiêu: dư nợ bảo lãnh, tốc độ tăng trưởng dư nợ, cơ cấu dư nợ, số khách hàng được bảo lãnh. Trong đó: (i) Tổng dư nợ bảo lãnh bao gồm dư nợ bảo lãnh vay vốn, dư nợ bảo lãnh thanh toán, dư nợ bảo lãnh thực hiện hợp đồng, dư nợ bảo lãnh đảm bảo chất lượng hợp đồng, dư nợ bảo lãnh dự thầu, dư nợ bảo lãnh tiền ứng trước... Chỉ tiêu này được so sánh giữa các năm để đánh giá sự phát triển, tỷ trọng dư nợ thấp chứng tỏ khả năng phát triển hoạt động bảo lãnh kém hoặc các sản phẩm bảo lãnh cung ứng cho khách hàng chưa thật sự có chất lượng nên chưa thuyết phục được khách hàng. Ngược lại, chỉ tiêu này cao phản ánh được sự phát triển hoạt động bảo lãnh về chiều rộng, nhưng chưa hoàn toàn phản ánh được hiệu quả hoạt động bảo lãnh của ngân hàng đó đã là tốt mà còn phải xem xét các chỉ tiêu đánh giá chất lượng dư nợ; (ii) Tốc độ tăng trưởng dư nợ bảo lãnh được tính toán bằng cách so sánh dư nợ năm hiện hành với cùng kỳ năm trước để biết được tốc độ tăng trưởng dư nợ bảo lãnh, hoặc so sánh tốc độ tăng trưởng dư nợ bảo lãnh từng lĩnh vực với nhau.